TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh

2. Ông Lý Khắc Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Số 479/19, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Nguyễn Văn T1 chung sống vào tháng 6/2018, do tự tìm hiểu, quen biết với nhau, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T1 không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình, thiếu sự quan

tâm, lo lắng cho vợ và con mà thường uống rượu, mỗi khi có rượu là kiếm chuyện chửi mắng và đánh chị vô cớ, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không chịu sửa đổi, gia đình hai bên cũng tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng chị và anh T1 không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị và anh T1 ly thân từ cuối tháng 7/2021 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm, chị có trao đổi với anh T1 về việc ly hôn này nhưng anh T1 không quan tâm, nói chị muốn làm gì thì làm.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tiến P, sinh ngày 03/5/2019. Hiện nay, cháu P đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Toà án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 thì được biết anh chị không có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V (nay là thị trấn V) và Uỷ ban nhân dân xã T nơi anh chị cư trú.

Tại phiên toà,

- Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Anh T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 6/2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Tiến P cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh T1 nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Anh T1 có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 01 (một) con chung là Trần Tiến P, sinh ngày 03/5/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cháu P dưới 36 tháng tuổi và đang sống ổn định với chị T. Đồng thời, chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T1 là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị T và các thành viên

trong gia đình không được cản trở anh T1 đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nuôi con nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Chị Trần Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Tiến P, sinh ngày 03/5/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị Trần Thị Cẩm T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn T1 đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003439 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên chị T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Cẩm T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh An Giang;
- UBND thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến